

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-PT

Ngày: 15-5-2020.

V/v tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tổ Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLPT-DS, ngày 17 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST, ngày 07-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Thành Q, sinh năm 1968, địa chỉ: đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Thành Q: ông Trần Văn T – Luật sư văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; cư trú: ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lưu Thế H, sinh năm 1971 (có mặt);

2.2. Bà Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Ông Lâm C, sinh năm 1958 (có mặt);

2.4. Bà Trương Thị Ngọc L2, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nhan Thị Bích C, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1974, địa chỉ: Đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

4.2. Bà Lý Thị O, địa chỉ: Đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

4.3. Bà Lý Thị N, địa chỉ: Đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Lâm C, Lưu Thế H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-12-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Thành Q trình bày:

Vào năm 1987, cha mẹ ông Q là ông Trương Văn S và bà Lâm Thị B (bà B đã chết vào năm 2019) có nhận chuyển nhượng phần đất ở của ông Triệu C (đã chết). Sau khi nhận chuyển nhượng, cha mẹ của ông đã xây dựng nhà ở có cấu trúc tường gạch, mái tole, nền gạch tàu và xây dựng chuồng heo để chăn nuôi. Khi đó, cha mẹ ông có đào một mương nước để xả nước thải sinh hoạt ra đường nước xả công cộng. Đến khoảng năm 2001- 2002 thì cha mẹ của ông đập phá toàn bộ phần nhà và chuồng heo để phân chia đất cho 04 người con gồm: ông Trương Thành Q (cho vào năm 2007); bà Trương Thị Ngọc Q1 (hiện sống chung với cha ông Q), bà Trương Thị Ngọc L2 có chồng là ông Lâm C (cho vào năm 2002), bà Trương Thị Ngọc L có chồng là ông Lưu Thế H (cho vào năm 2002).

Đối với phần đất mà ông Q được cha mẹ cho, ông Q và vợ là bà Nhan Thị Bích C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45, diện tích 110,7m², tọa lạc tại số khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 605301 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23-5-2018.

Đối với phần đất mà bà L và bà L2 được cha mẹ tặng cho, cũng trong năm 2002 thì gia đình của bà L, bà L2 xây dựng nhà kiên cố, khi đó nước thải sinh hoạt được gia đình của bà L, bà L2 đặt ống thải trực tiếp ra phía sau nhà trên phần đất mà ông Q được cha mẹ cho. Sau khi ông Q xây nhà vào năm 2007 thì các chị em ông Q cũng đầu nối vào đường ống thoát nước của nhà ông Q. Khi đó, ông Q hỏi bà Trần

Thị Ánh N (giáp ranh đất với gia đình ông Q) xin lấp đặt tạm đường ống dẫn nước thải sinh hoạt sang đất của bà N. Bà N đồng ý với điều kiện chỉ cho dẫn tạm sang đất bà một thời gian, khi nào ông Q xây dựng nhà kiên cố thì phải tự mở lối thoát nước ra đường thoát công cộng.

Đến khoảng tháng 11-2017, ông Q nói với vợ chồng bà L2, ông C, vợ chồng bà L, ông H và bà Q2 cho rằng bà N không cho vợ chồng ông Q thoát nước sang đất của bà nữa vì nó bốc mùi hôi ảnh hưởng đến sức khỏe gia đình bà N. Ngoài ra vợ chồng ông Q dự định tháng 10-2018 sẽ xây dựng nhà kiên cố nên đề nghị mỗi gia đình phải tự mở lối thoát nước riêng.

Sau đó thì vợ chồng bà Q2 đã làm đường ống thoát nước riêng để dẫn nước thải sinh hoạt ra phía sau nhà và thoát ra đường cống thoát nước công cộng. Còn vợ chồng bà L2, ông C và vợ chồng bà L, ông H không chịu mở đường ống thoát nước riêng mà tiếp tục thải thẳng nước thải sang nhà của vợ chồng ông Q.

Đến đầu năm 2019, bà N xây gạch ngăn không cho nguồn nước thải từ phía gia đình ông Q chảy sang đất nhà bà nên gia đình ông Q phải sử dụng tạm mọi sinh hoạt tắm, giặt ở phía trước nhà để nước thải chảy ra cống thoát nước công cộng. Còn phía gia đình bà L2, ông C và vợ chồng bà L, ông H vẫn thải nước trực tiếp qua nhà ông Q, gây ngập úng cả khu vực nhà sau, bốc mùi hôi rất khó chịu. Sau đó, ông Q có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 5 hòa giải. Qua động viên hòa giải, gia đình bà N đã cho gia đình ông Q tiếp tục sử dụng nhờ đường nước thải sinh hoạt đợi kết quả giải quyết của Tòa án. Do đó, hiện gia đình ông Q và các hộ gia đình bà L, bà L2 vẫn tiếp tục sử dụng nhờ đường nước thải của gia đình bà N.

Hiện gia đình ông Q đã được UBND thị xã X cấp giấy phép xây dựng vào ngày 20-9-2018 nhưng không khởi công được vì bị gia đình bà L2 và bà L ngăn cản với lý do phải để họ thoát nước sang nhà của vợ chồng ông nhưng vợ chồng ông không đồng ý vì nhà xây kiên cố nếu đường ống nước bị nghẹt dưới nền nhà rất khó xử lý.

Nay ông Trương Thành Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải tự mở đường nước để xả nước thải, chấm dứt việc xả nước thải sang phần đất của vợ chồng ông Q tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Lưu Thế H và bà Trương Thị Ngọc L trình bày: Vợ chồng ông H và bà L đồng ý với lời trình bày của ông Q về nguồn gốc phần đất của ông Q và phần đất mà vợ chồng ông H và bà L đang quản lý sử dụng. Vào năm 1987, cha mẹ bà L là ông Trương Văn S và bà Lâm Thị B (đã chết vào năm 2019) có nhận chuyển nhượng phần đất ở của ông Triệu C (đã chết). Sau khi nhận chuyển nhượng, cha mẹ bà đã xây dựng nhà kiên cố để ở và xây dựng chuồng heo để chăn nuôi. Khi đó, cha mẹ bà đã làm đường ống nhựa để thải nước thải sinh hoạt và chăn nuôi heo xuống đường thoát nước công cộng. Cha

mẹ ông bà sử dụng ổn định đến năm 2001 thì đập phá toàn bộ phần nhà và chuồng heo để phân chia đất cho các anh chị em của bà L. Khi đó, cha mẹ bà cho 04 người con gồm: ông Trương Thành Q; bà Trương Thị Ngọc Q2 (hiện sống chung với cha mẹ ông Q), bà Trương Thị Ngọc L2 (có chồng là ông Lâm C), bà Trương Thị Ngọc L (có chồng là ông Lưu Thế H). Khi cho, toàn bộ phần đất được cho đều là đất trống không có cây trồng hay vật kiến trúc gì. Khi cha mẹ cho có nói là cho 04 anh em sử dụng chung đường nước xả thải phía sau nhà và lối đi chung phía trước nhà.

Bà L được cho phần đất diện tích 79,5 m², còn tặng cho thời gian nào thì bà L và ông H không nhớ rõ. Đến năm 2004, hộ bà L được UBND huyện X nay là thị xã X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2006, vợ chồng ông H và bà L xây dựng nhà kiên cố để ở. Khi xây dựng nhà, ông bà có lắp ống để xả nước thải sinh hoạt vào ống xả thải trước đây mà cha mẹ bà đặt để xả ra đường nước xả công cộng, đường nước thải này được đặt âm dưới đất chạy ngang qua phần đất mà ông Q được cha mẹ tặng cho. Khi lắp đặt đường nước xả thải, do anh em rất hòa thuận nên bà L không có hỏi ý kiến của ông Q và ông Q cũng không có ý kiến gì.

Đến năm 2007, khi ông Q xây nhà tiền chế, vách tole, cột sắt thì xây dựng nhà sau nằm trên đường ống nước xả thải mà bà L đã đặt trước đó, tuy nhiên gia đình bà L và ông H vẫn sử dụng đường ống nước thải này. Đến năm 2018 thì ông Q cho rằng ông chuẩn bị cất nhà kiên cố nên yêu cầu bà L và ông H dời đường nước đi chỗ khác, không cho bà L và ông H xả nước thải sang phần đất và nhà của vợ chồng ông Q.

Sau đó, ông Q có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã X hòa giải. Qua hòa giải đại diện Ủy ban nhân dân phường 5 trực tiếp đến hiện trường yêu cầu bà L tháo dỡ và cho tiếp tục sử dụng nhờ đường nước thải sinh hoạt cho đến nay.

Hiện nay tại vị trí căn nhà của ông H, bà L có 01 đường thoát nước công cộng phía trước nhà và 01 đường thoát nước công cộng phía sau nhà, tuy nhiên đối với đường thoát nước phía trước nhà thì hiện nay nhà ông bà đã xây dựng kiên cố nếu mở đường thoát nước thì phải đập phá nền mới đặt được ống nước thải do đó sẽ ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà. Còn đối với đường thoát nước công cộng phía sau nhà thì nằm trên phần đất cao hơn nhà của ông bà do đó không thể đặt ống nước thải trực tiếp vào đường thoát nước này được. Do đó ông H và bà L không đồng ý với yêu cầu của ông Q.

Hiện đường nước này gia đình bà L gồm bà L, ông H đang sử dụng.

Bị đơn ông Lâm C và bà Trương Thị Ngọc L2 trình bày:

Vợ chồng ông C và bà L2 đồng ý với lời trình bày của ông Q về nguồn gốc phần đất của ông Q và phần đất mà vợ chồng ông H và bà L đang quản lý sử dụng. Vào năm 1987, cha mẹ bà L là ông Trương Văn S và bà Lâm Thị B (đã chết vào năm 2019) có nhận chuyển nhượng của ông

Triệu C (đã chết) phần đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, cha mẹ bà đã xây dựng nhà kiên cố để ở và xây dựng chuồng heo để chăn nuôi. Khi đó, cha mẹ bà đã làm đường ống nhựa để thải nước thải sinh hoạt và chăn nuôi heo xuống đường thoát nước công cộng. Cha mẹ ông bà sử dụng ổn định đến năm 2001 thì đập phá toàn bộ phần nhà và chuồng heo để phân chia đất cho các anh chị em của bà L. Khi đó, cha mẹ bà cho 04 người con gồm: ông Trương Thành Q; bà Trương Thị Ngọc Q2 (hiện sống chung với cha mẹ ông Q), bà Trương Thị Ngọc L2 (có chồng là ông Lâm C), bà Trương Thị Ngọc L (có chồng là ông Lưu Thế H). Khi cho, toàn bộ phần đất được cho đều là đất trống không có cây trồng hay vật kiến trúc gì.

Bà L2 được cho phần đất diện tích 91,7 m² vào năm 2001. Đến năm 2005 hộ bà L2 và ông C được UBND huyện X nay là thị xã X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2013 thì cấp đổi giấy.

Ông C và bà L2 cất nhà ở kiên cố từ năm 2001 cho đến nay. Khi cha mẹ cho có nói là cho 04 anh em sử dụng chung đường nước xả thải phía sau nhà và lối đi chung phía trước nhà. Khi xây dựng nhà, ông bà có lắp ống để xả nước thải sinh hoạt vào ống xả thải trước đây mà cha mẹ bà đặt để xả ra đường nước xả công cộng, đường nước thải này được đặt âm dưới đất chạy ngang qua phần đất mà sau này ông Q được cha mẹ tặng cho.

Đến năm 2007, khi ông Q xây nhà tiền chế, vách tole, cột sắt thì xây dựng nhà sau nằm trên đường ống nước xả thải mà bà L2 đã đặt trước đó, tuy nhiên gia đình bà L2 và ông C vẫn sử dụng đường ống nước thải này. Đến năm 2018 thì ông Q cho rằng ông chuẩn bị cất nhà kiên cố nên yêu cầu bà L2 và ông C dời đường nước đi chỗ khác, không cho bà L2 và ông C xả nước thải sang phần đất và nhà của vợ chồng ông Q. Hiện đường nước này do bà L2, ông C đang sử dụng.

Sau đó, ông Q có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 5, hòa giải. Qua hòa giải đại diện Ủy ban nhân dân phường 5 trực tiếp đến hiện trường yêu cầu bà N tháo dỡ và cho tiếp tục sử dụng nhờ đường nước thải sinh hoạt cho đến nay.

Hiện nay tại vị trí căn nhà của ông C, bà L2 có đường thoát nước công cộng phía trước nhà và đường thoát nước công cộng phía sau nhà, tuy nhiên đối với đường thoát nước phía trước nhà thì hiện nay nhà ông bà đã xây dựng kiên cố nếu mở đường thoát nước thì phải đập phá nền mới đặt được ống nước thải do đó sẽ ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà. Còn đối với đường thoát nước công cộng phía sau nhà thì nằm trên phần đất cao hơn nhà của ông bà do đó không thể đặt ống nước trực tiếp vào đường thoát nước này được. Do đó ông C và bà L2 không đồng ý với yêu cầu của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhan Thị Bích C trình bày:
Bà C thống nhất với lời trình bày của ông Trương Thành Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST, ngày 07-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau: *Áp dụng khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 229, khoản 1*

Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 251, Điều 252 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

[1] Buộc vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải tự mở đường nước để xả nước thải ra mương nước công cộng, chấm dứt việc xả nước thải sang phần đất của ông Trương Thành Q và bà Nhan Thị Bích C tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại số đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 605301 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23-5-2018.

Khi án có hiệu lực pháp luật và ông Trương Thành Q có đơn yêu cầu thi hành án thì vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải tự mở đường nước để xả nước thải, chấm dứt việc xả nước thải sang phần đất của vợ chồng ông Q và bà C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 18-02-2020 các bị đơn ông Lâm C và ông Lưu Thế H làm đơn kháng cáo có cùng nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Các bị đơn Lâm C, Lưu Thế H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của các bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Lâm C, ông Lưu Thế H làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo của các bị

đơn được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn ông Trương Thành Q với các bị đơn bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C (chồng của bà L2), bà Trương Thị Ngọc L và ông Lưu Thế H (chồng của bà L) là anh chị em. Trước đây cha mẹ của các ông bà có một thửa đất cất nhà và có làm chuồng heo khi đó nước thải sinh hoạt ở phía sau nhà và chảy về hướng Bắc giáp nhà bà N. Nhưng từ năm 2002 thì cha mẹ phá dỡ toàn bộ nhà cũ và chuồng heo, đồng thời chia cắt cho bốn người con gồm ông Q, bà L2, bà L và bà Q2 mỗi người một nền nhà. Sau khi được cho đất thì mỗi gia đình đều cất nhà ở riêng và đã tách quyền sử dụng đất riêng biệt, cụ thể hướng từ Hẻm 222 đi vào là nhà của bà Q2, kế tiếp là nhà của bà L2 và ông C, kế tiếp là nhà của bà L và ông H, sau cùng là nhà của ông Q. Ông Q thừa nhận vào khoảng thời gian năm 2001-2002, sau khi được cho thì gia đình ông C, bà L2 và gia đình ông H, bà L cất nhà và đặt ống xả nước thải trực tiếp dẫn qua phần đất của ông Trương Thành Q và bà Nhan Thị Bích C. Đến năm 2018, ông Q chuẩn bị cất nhà kiên cố nên yêu cầu gia đình ông C, bà L2 và gia đình ông H, bà L dời đường nước thải đi chỗ khác, không cho xả nước thải sang phần đất và nhà của vợ chồng ông vì vừa gây ô nhiễm, vừa không thuận lợi cho việc xây dựng nhà của ông, nên ông Q yêu cầu bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C và bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải tự mở đường nước để xả nước thải ra mương nước công cộng, chấm dứt việc xả nước thải sang phần đất của ông Trương Thành Q và bà Nhan Thị Bích C tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 605301 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23-5-2018.

Nhận thấy, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 15-3-2019 và các bản ảnh do nguyên đơn cung cấp (bút lục số 63, 64, 65) thể hiện trên phần đất của ông Q, nền nhà sau (nhà tạm) có ống nước xả của gia đình bà L, ông H đường kính 9cm, chiều dài 0,45m + 2,3m, vị trí đặt ống cách Hẻm phía sau nhà ông Q là 0,51m, cao hơn mặt hẻm 0,32m, cách nền đất 0,25m, ống này được nối trực tiếp vào ống xả nước của gia đình bà L2, ông C; ống xả nước của gia đình bà L2 và ông C có đường kính 9cm, chiều dài 0,41m + 3,0m, ống xả này được nối trực tiếp vào hố ga của gia đình ông Q, từ hố ga có một ống xả thải bằng nhựa màu đen đường kính 17cm, chiều dài 17,6m (trong đó có 10,4m) ống bị bể, ống xả có một phần đặt nổi trên mặt đất, một phần được âm dưới đất và được đặt nằm song song cạnh mương nước của nhà bà N. Đồng thời, sơ đồ kèm theo biên bản đo đạc thể hiện phía trước sân nhà của bà Q2, bà L2, bà L, ông Q tính từ mép hành lang đo ra sân 6 mét là đường thoát nước công cộng. Phía sau vách nhà là con hẻm nhưng được lán xi măng, vị trí từ nhà bà L, ông H đo về đầu góc con hẻm 20,4 mét là đường mương thoát nước công cộng và thực tế bà Q2 cũng tự mở đường thoát nước thải ra mương thoát nước công cộng ở vị trí này. Như vậy, phía trước và phía sau nhà của các bị đơn đều có đường thoát nước công cộng, các bị đơn có điều kiện tự mở

đường thoát nước riêng ra mương thoát nước công cộng.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bà N không đồng ý cho gia đình ông Q sử dụng đường mương nước của gia đình bà N, như vậy phía gia đình ông Q cũng không còn đường thoát nước nào khác, nên phải tự mở riêng để nước thải thoát ra mương công cộng, nên không thể sử dụng đường ống nước xả thải cũ làm đường thoát nước chung.

Mặt khác, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn được cấp thể hiện hướng Nam của các thửa đất (phía sau nhà) không có đường thoát nước chung của các hộ liền kề.

Theo Điều 251 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định “*Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định, sao cho nước thải không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề, ra đường công cộng hoặc nơi sinh hoạt công cộng*” và theo Điều 252 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy...*”.

Theo quy định nêu trên cũng như theo hiện trạng sử dụng đất, thì ông H, bà L và ông C, bà L2 phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra mương nước công cộng, sao cho nước thải không qua phần đất của ông Trương Thành Q và bà Nhan Thị Bích C. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy các bị đơn kháng cáo yêu cầu giữ lại đường nước cũ do cha mẹ sử dụng trước đây và cho rằng hiện nay nhà của các bị đơn đã được xây kiên cố nên việc các bị đơn mở đường ống thoát nước thải riêng sẽ gặp không ít khó khăn, ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà là chưa có cơ sở, nên kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận.

[3] Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên đề nghị này được chấp nhận.

[4] Vị Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Lâm C, ông Lưu Thế H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST, ngày 07-02-2020 của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ Điều 251, Điều 252 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Buộc vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải tự mở đường nước để xả nước thải ra mương nước công cộng, chấm dứt việc xả nước thải sang phần đất của ông Trương Thành Q và bà Nhan Thị Bích C tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại đường T, khóm 1, phường 5, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 605301 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23-5-2018.

Khi án có hiệu lực pháp luật và ông Trương Thành Q có đơn yêu cầu thi hành án thì vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải tự mở đường nước để xả nước thải, chấm dứt việc xả nước thải sang phần đất của vợ chồng ông Q và bà C.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trương Thành Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004884 ngày 21-01-2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã X.

[3] Về chi phí thẩm định số tiền 950.000 đồng, vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L2, ông Lâm C phải chịu số tiền 475.000 đồng và vợ chồng bà Trương Thị Ngọc L, ông Lưu Thế H phải chịu số tiền 475.000 đồng. Sau khi vợ chồng bà L2, ông C và vợ chồng bà L, ông H nộp thì trả lại cho ông Q vì ông Q đã nộp tạm ứng xong.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Lâm C, ông Lưu Thế H mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0001696 (ông H), 0001697 (ông C) cùng ngày 18-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND thị xã X (01);
- Chi cục THADS thị xã X (01);
- Các đương sự (08);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương